

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số: 846 /QĐ-ĐHSPHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

Hình thức đào tạo chính quy

Ngành: Giáo dục Tiểu học, mã số 7140202

Chương trình đào tạo: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ, ngày 11 tháng 10 năm 1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ công văn số 351b/ĐHSPHN-ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo khoa GDTH, ngày 5 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

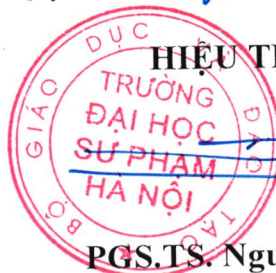
Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo (được sửa đổi, bổ sung) trình độ đại học, ngành Giáo dục tiểu học, mã số 7140202, chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục tiểu học (nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ năm học 2024-2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, ban chức năng, Trưởng khoa GDTH; các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo t/h);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử Trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành Giáo dục tiểu học

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **846** /QĐ-DHSPHN ngày **11** tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường DHSP Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Giáo dục tiểu học (Primary Education)
2. Trình độ đào tạo: Đại học
3. Ngành đào tạo (Tiếng Việt/Tiếng Anh): Giáo dục tiểu học (Primary Education)
4. Mã ngành đào tạo: 7140202
5. Hình thức đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo chính khóa: 4 năm
7. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
8. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân
9. Khoa quản lý/đào tạo: GDTH
10. Thông tin về tuyển sinh:
 - 10.1. Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.
 - 10.2. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.
 - 10.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo chỉ tiêu được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt và theo Đề án Tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố hàng năm.

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo của nhân Giáo dục tiểu học đáp ứng các chuẩn đầu ra sau:

PLO1. Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.

PLO2. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phán đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.

PLO3. Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành.

PLO4. Sử dụng được tiếng Việt trong công việc biên phiên dịch, sáng tạo và biên tập văn bản báo chí truyền thông, xuất bản, dạy học tiếng Việt và các lĩnh vực chuyên môn liên quan.

PLO5. Áp dụng được các kỹ năng nghề nghiệp vào việc nghiên cứu và phát triển chuyên môn, nghề nghiệp.

PLO6. Xây dựng được được ý tưởng khởi nghiệp.

PLO7. Vận dụng được các tri thức ngôn ngữ học, tiếng Việt vào thực tiễn chuyên môn dạy học và nghiên cứu tiếng Việt cũng như các lĩnh vực chuyên môn liên quan như biên phiên dịch, sáng tạo và biên tập văn bản báo chí, truyền thông và xuất bản...

PLO8. Sử dụng được tiếng Việt trong nhiều lĩnh vực chuyên sâu.

PLO9. Vận dụng được các tri thức văn hóa học và văn hóa Việt Nam vào thực tiễn chuyên môn dạy học tiếng Việt cũng như các lĩnh vực chuyên môn liên quan như biên phiên dịch, sáng tạo và biên tập văn bản báo chí, truyền thông và xuất bản...

PLO10. Đánh giá được các tri thức tiếng Việt và văn hóa Việt Nam trong các văn bản.

PLO11. Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tiếng Việt và văn hóa Việt Nam để áp dụng vào thực tiễn dạy học, biên phiên dịch, sáng tạo và biên tập văn bản báo chí truyền thông, xuất bản và các lĩnh vực chuyên môn liên quan.

PLO12. Sử dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào việc hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

Ma trận kết nối mục tiêu với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các chỉ báo

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Gợi ý về các chỉ báo (PIs)
PO 1: Đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, sáng tạo đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc phát triển nghề nghiệp của bản thân.	PLO1: Thể hiện được tinh thần yêu nước, hiểu biết và hành động phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng.	PI1.1. Nhận biết được tri thức lý luận chính trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam. PI1.2. Thể hiện được tình yêu đất nước, lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ý thức trách nhiệm với cộng đồng. PI1.3. Vận dụng được tri thức của khoa học lý luận chính trị vào giải quyết một số vấn đề đặt ra của khoa học chuyên ngành, cuộc sống và thực tiễn đất nước trong kỉ nguyên mới.

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Gợi ý về các chỉ báo (PIs)
	PLO2: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong phân đoán và tự chủ chuyên môn để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.	PI2.1. Vận dụng được tri thức về Tâm lý học giáo dục, Thống kê xã hội học để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội. PI2.2. Vận dụng được tri thức về Tin học đại cương/Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại cương để nhận diện và thích ứng được với sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội. PI2.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch bản thân đáp ứng được sự phát triển của nghề nghiệp và văn hóa - xã hội.
PO2: Đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học có năng lực chuyên môn vững vàng, kỹ năng giải quyết vấn đề liên ngành, khả năng lãnh đạo và làm việc trong môi trường đa văn hóa, đồng thời có ý thức trách nhiệm xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững.	PLO3: Sử dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn để phát hiện và giải quyết các vấn đề của khoa học chuyên ngành. PLO4: Phát hiện và giải quyết sáng tạo các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp để tham gia đóng góp vào các hoạt động cộng đồng nhằm thúc đẩy phát triển bền vững.	PI3.1. Trình bày tri thức và phương pháp nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn. PI3.2. Vận dụng kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn vào lĩnh vực khoa học của chuyên ngành. PI10. Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác. PI11. Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. PI12. Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Gợi ý về các chỉ báo (PIs)
PO3: Đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học có khả năng nghiên cứu liên ngành, lãnh đạo nghiên cứu khoa học, truyền đạt kiến thức và phát triển tư duy khoa học, đồng thời duy trì học tập suốt đời và thích ứng với thị trường lao động trong nước và quốc tế.	PLO 5: Lập được kế hoạch dạy học, đánh giá học sinh, phát triển chương trình nhà trường; xây dựng được môi trường học tập hiệu quả và tổ chức được các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho người học.	PI5.1. Xác định được các thành tố cơ bản của kế hoạch dạy học, bao gồm: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, và hình thức kiểm tra đánh giá, phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tế. PI5.2. Thiết kế và điều chỉnh được kế hoạch dạy học môn học dựa trên việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, lựa chọn và sử dụng hợp lý phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ quá trình dạy học hiệu quả. PI5.3. Tổ chức và điều hành được các hoạt động dạy học theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, đảm bảo tính tương tác và phát triển năng lực đặc thù cũng như năng lực chung và phẩm chất cốt lõi của học sinh. PI5.4. Lập kế hoạch và triển khai các hoạt động kiểm tra đánh giá học sinh dựa trên tiêu chí rõ ràng, chú trọng đánh giá quá trình, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và thúc đẩy sự phát triển năng lực tự đánh giá của học sinh. PI5.5. Xây dựng môi trường học tập hiệu quả, thúc đẩy sự chủ động và sáng tạo của học sinh thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập tích hợp, liên môn hoặc các dự án học tập.
	PLO 6: Xây dựng và triển khai được kế hoạch giáo dục học sinh bao gồm tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển phẩm chất, năng lực thông qua các hoạt động giáo dục	PI6.1. Phân tích đặc điểm, nhu cầu và năng lực của học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, bao gồm định hướng nghề nghiệp, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. PI6.2. Thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục trong môn học, kết hợp với các

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Gợi ý về các chỉ báo (PIs)
	trong môn học, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng.	hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, nhằm phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện của học sinh. PI6.3. Tư vấn và hỗ trợ học sinh trong việc lập kế hoạch phát triển cá nhân và định hướng nghề nghiệp, phù hợp với năng lực và bối cảnh thực tế. PI6.4. Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, thúc đẩy kỹ năng sống, trách nhiệm xã hội, và ý thức công dân của học sinh. PI6.5. Phối hợp với gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội để triển khai kế hoạch giáo dục, đảm bảo sự phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho học sinh.
	PLO7: Đánh giá được tầm quan trọng của học tập suốt đời, tích cực tìm kiếm, cập nhật kiến thức mới; tập trung phát triển nghề nghiệp nhằm đáp ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, sẵn sàng thích nghi với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.	PI7.1. Phân tích được ý nghĩa và tầm quan trọng của học tập suốt đời trong việc phát triển bản thân và nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. PI7.2. Tích cực tìm kiếm và cập nhật kiến thức mới từ các nguồn tài nguyên giáo dục, nghiên cứu khoa học, và các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. PI7.3. Phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, các hoạt động hội thảo, và cộng đồng nghề nghiệp để cập nhật xu hướng giáo dục hiện đại.

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Gợi ý về các chỉ báo (PIs)
		PI7.4. Lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân phù hợp với sự thay đổi của thị trường lao động và nhu cầu thực tiễn của hệ thống giáo dục trong nước và quốc tế.
PO4: Đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học có khả năng vận dụng kiến thức liên ngành và kinh nghiệm để hình thành và giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học; nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục tiểu học.	PLO8: Làm chủ được các khoa học cơ bản ngành Giáo dục tiểu học.	PI8.1. Làm chủ được các kiến thức cơ bản về tâm sinh lí học sinh tiểu học để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học. PI8.2. Làm chủ được các kiến thức cơ bản về giáo dục học tiểu học để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học. PI8.3. Làm chủ được các kiến thức cơ bản của các khoa học liên quan đến các môn học, hoạt động giáo dục ở trường tiểu học để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.
	PLO 9: Phát hiện vấn đề, hình thành ý tưởng, triển khai nghiên cứu để giải quyết được các vấn đề về giáo dục tiểu học.	PI9.1. Phát hiện được vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học. PI9.2. Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học. PI9.3. Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. PI9.4. Đề xuất được hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.
	PLO10: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản ngành Giáo dục tiểu học để thực hiện các hoạt	PI10.1. Phân tích được chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

Mục tiêu của chương trình (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Gợi ý về các chỉ báo (PIs)
	động dạy học ở trường tiểu học.	PI10.2. Thực hiện được chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.
	PLO11: Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản ngành Giáo dục tiểu học để thực hiện các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.	PI11.1. Xác định được mục tiêu và lập kế hoạch các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học PI11.2. Tổ chức thực hiện được các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.
PO5: Đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành và công nghệ thông tin để hỗ trợ nghiên cứu khoa học, tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục và phát triển nghề nghiệp.	PLO12: Sử dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành, công nghệ thông tin và truyền thông để phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và phát triển bản thân.	PI12.1. Sử dụng được tiếng Anh trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và giao tiếp khoa học. PI12.2. Ứng dụng được công nghệ thông tin và các phần mềm chuyên dụng trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy.

III. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc của chương trình đào tạo: Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (chưa bao gồm kiến thức Giáo dục Quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất), phân bổ thành 8 học kỳ trong 4 năm.

STT		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng		
2	Khối học văn chung	25	18,3%
3	Khối học văn nhóm ngành [khoa học xã hội và nhân văn]	10	7,4%
4	Khối học văn ngành Giáo dục tiểu học	89	65,5%
5	Thực tập nghề nghiệp	6	4,4%
6	Khóa luận tốt nghiệp [hoặc tương đương]	6	4,4%
	Tổng cộng:	136	

2. Khung chương trình đào tạo

2. Khung chương trình đào tạo

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
I	Khối học văn chung			25					
1	Tâm lí học giáo dục	PSYC 101	1	4	45	0	15	140	
2	Thống kê xã hội học	MATH 137	2	2	20	0	10	70	
3	Triết học Mác – Lênin	PHIS 105	1	3	36	0	9	105	
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POLI 104	2	2	20	0	10	70	
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI 106	2	2	20	0	10	70	PHIS 105, POLI 104
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	3	2	20	0	10	70	PHIS 105, POLI 106
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 204	3	2	20	0	10	70	
8	Tự chọn			2/6					
8.1	Tiếng Việt thực hành	COMM106	1	2	10	0	20	70	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
8.2	Tin học đại cương	COMP103	1	2	9.5	0	19.5	71	
8.3	Nghệ thuật đại cương	COMM107	1	2	15	0	15	70	
9	Ngoại ngữ 1								
9.1	Tiếng Anh 1	ENGL104	1	3	30	15	0	105	
9.2	Tiếng Trung 1	CHIN 105	1	3	30	15	0	105	
9.3	Tiếng Pháp 1	FREN 104	1	3	30	15	0	105	
9.4	Tiếng Nga 1	RUSS105	1	3	30	15	0	105	
10	Ngoại ngữ 2								
10.1	Tiếng Anh 2	ENGL 106	2	3	28	17	0	105	ENGL104
10.2	Tiếng Trung 2	CHIN 106	2	3	30	15	0	105	CHIN 105
10.3	Tiếng Pháp 2	FREN 106	2	3	30	15	0	105	FREN 104
10.4	Tiếng Nga 2	RUSS106	2	3	30	15	0	105	RUSS105
11	Giáo dục thể chất 1	PHYE 150	1	1	2	26		22	
12	Giáo dục thể chất 2	PHYE 151	2	1	2	26		22	
13	Giáo dục thể chất 3	PHYE 250	3	1	2	26		22	
14	Giáo dục thể chất 4	PHYE 251	4	1	2	26		22	
15	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	DEFE105		3	33	9	3	105	
16	Công tác quốc phòng và an ninh	DEFE106		2	25	0	5	70	
17	Quân sự chung	DEFE205		2	25	0	5	70	
18	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEFE206		4	30	0	15	155	
II	Khối học văn chung của nhóm ngành			10					

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
	Khoa học xã hội và nhân văn								
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	COMM105	1	2	18	0	12	70	
20	Nhập môn Khoa học Xã hội và Nhân văn	COMM103	2	2	20	0	10	70	
21	Lịch sử văn minh thế giới	COMM108	2	2	22	0	8	70	
22	Xã hội học đại cương	SOCI7301	2	2	22	0	8	70	
23	Nhân học đại cương	COMM110	2	2	22	0	8	70	
II	Khối học văn đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			35					
II.1	Khối học văn chung			13					
24	Giáo dục học	PSYC102		3	36		9	90	PSYC101
25	Lí luận dạy học	COMM201		2	24		6	60	PSYC101
26	Đánh giá trong giáo dục	COMM003		2	24		6	60	PSYC102, COMM201
27	Giao tiếp sư phạm hoặc phát triển mối quan hệ nhà trường	PSYC104		2	24		6	60	
28	Phát triển chương trình nhà trường hoặc triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường	COMM004		2	24		6	60	PSYC102
29	Thực hành kĩ năng giáo dục	COMM301		2	24		6		PSYC102
II.2	Khối học văn chuyên ngành			10					

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
30	Tâm lí học giáo dục tiểu học	PRIM189		3	30		15	105	PRIM171
31	Giáo dục học tiểu học	PRIM230a		4	25		25	150	PRIM189
32	Tự chọn			3/6					
32.1	Phát triển chương trình nhà trường tiểu học	PRIM230h		3	13		25	112	PRIM230a
32.2	Dạy học tích cực ở tiểu học	PRIM 230i		3	18		27	105	PRIM230a
II.3	Thực hành sư phạm			12					
33	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	COMM001		3			90	135	
34	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	PRES208		3			30	120	
35	Thực tập tại trường phổ thông: Thực tập sư phạm I (5 tuần)	COMM013		3					PRES208
36	Thực tập tại trường phổ thông: Thực tập sư phạm II (5 tuần)	COMM014		3					COMM013
III	Khối học văn chuyên ngành			66					
III.1	Khối học văn cốt lõi			48					
	<i>Các môn tâm lí – giáo dục</i>			8					
37	Tâm lí học sinh tiểu học	PRIM171		3	30		15	105	
38	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	PRIM383a		2	14		16	70	
39	Dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	PRIM349a		3	31		14	105	PRIM230a

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
	Các môn khoa học xã hội			19					
40	Cơ sở Việt ngữ của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	PRIM236a		3	40		10	100	
41	Cơ sở Việt ngữ của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	PRIM237a		3	40		10	100	PRIM236a
42	Cơ sở văn học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	PRIM133a		3	40		10	100	
43	Những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	PRIM176a		3	40		10	100	PRIM237a
44	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	PRIM277a		3	30		30	90	PRIM176a
45	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học (Âm nhạc)	PRIM342a		2	22		8	70	
46	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học (Mĩ thuật)	PRIM343a		2	27		6	67	
	Các môn khoa học tự nhiên			21					
47	Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 1	PRIM178a		3	40		10	100	
48	Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 2	PRIM279a		3	41		8	101	PRIM178a
49	Cơ sở khoa học của dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRIM182a		3	26		19	105	

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
50	Dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRIM458a		3	24		21	105	PRIM182a
51	Giáo dục Tin học và Công nghệ ở tiểu học	PRIM351a		3	23		22	105	
52	Giáo dục Toán học ở tiểu học 1	PRIM338a		3	40		10	100	PRIM279a
53	Giáo dục Toán học ở tiểu học 2	PRIM380a		3	40		10	100	PRIM338a
III.2	Khối tự chọn			18/36					
54	Các môn khoa học tự nhiên			6					
54.1	Thiết kế bài học phát triển năng lực môn Toán ở tiểu học	PRIM481a		3	38,5		13	98,5	PRIM380a
54.2	Dạy học môn toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	PRIM481b		3	40		10	100	PRIM380a
54.3	Dạy học phát triển năng lực các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRIM458b		3	15		30	105	PRIM458a
54.4	Dạy học phát triển năng lực môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học	PRIM351b		3	23		22	105	PRIM351a
54.5	Giáo dục STEM ở tiểu học	PRIM351c		3	23		22	105	PRIM351a
55	Các môn khoa học xã hội			3					
55.1	Dạy viết sáng tạo ở tiểu học	PRIM277b		3	40		10	100	PRIM277a
55.2	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ ở tiểu học	PRIM342b		3	30		30	90	PRIM342a

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
55.3	Thực hành hoạt động giáo dục mỹ thuật ở tiểu học	PRIM343b		3	30		30	90	PRIM343a
56	Các môn tâm lí – giáo dục			3					
56.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trẻ em	PRIM 230b		3	25		20	105	PRIM230a
56.2	Nghiên cứu trí tuệ học sinh tiểu học	PRIM 230c		3	20		25	105	PRIM189
56.3	Các phương pháp và hình thức dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học	PRIM 230d		3	18		27	105	PRIM230a
56.4	Giáo dục hòa nhập ở tiểu học	PRIM320a		3	30		15	105	PRIM230a
	Học phần tương đương			6					
57	<i>HPTĐ 1: (chọn 1 trong 3 môn)</i>			3					
57.1	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học toán ở tiểu học	PRIM481c		3	39		12	99	PRIM380a
57.2	Vận dụng phương pháp bàn tay nặn bột vào dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	PRIM458c		3	15		30	105	PRIM458a
57.3	Phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học	PRIM230f		3	16		29	105	PRIM230a

TT	HP	Mã HP	Học kì	Số TC	Phân bổ tín chỉ			Tự học, tự nghiên cứu (có hướng dẫn)	Môn học tiên quyết
					Số tiết trên lớp				
					LT	BT	TH, TL		
58	HPTĐ 2: (chọn 1 trong 2 môn)								
58.1	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	PRIM277c		3	40		10	100	PRIM277a
58.2	Dạy học kiến thức tiếng Việt ở tiểu học	PRIM277d		3	31		28	91	PRIM277a
	Tổng cộng:			136					

IV. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CÁC PLO

[illegible]

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PSYC104	Giao tiếp sư phạm hoặc phát triển mối quan hệ nhà trường												
COMM004	Phát triển chương trình nhà trường hoặc triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường			I				R				R	
COMM301	Thực hành kỹ năng giáo dục												
PRIM189	Tâm lý học giáo dục tiểu học		I				R					I	
PRIM230a	Giáo dục học tiểu học			I				R				R	
PRIM230h	Phát triển chương trình nhà trường tiểu học			I				R				R	
PRIM230i	Dạy học tích cực ở tiểu học					R			I				
COMM001	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên												
PRES208	Thực hành dạy học tại trường sư phạm					R							
COMM013	Thực tập tại trường phổ thông: Thực tập sư phạm I (5 tuần)				R						R	M	
COMM014	Thực tập tại trường phổ thông: Thực tập sư phạm II (5 tuần)				R						R	M	
PRIM171	Tâm lý học sinh tiểu học						R		R			I	
PRIM383a	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học			I		R						R	
PRIM349a	Dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	R			I				R				
PRIM236a	Cơ sở Việt ngữ của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1					I					I		
PRIM237a	Cơ sở Việt ngữ của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2					I			M		I		
PRIM133a	Cơ sở văn học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học					I					I		
PRIM176a	Những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học					I			R		R		

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PRIM277a	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học					R			R		M		
PRIM342a	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học (Âm nhạc)					R			R		R		
PRIM343a	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học (Mĩ thuật)					R	R				R		
PRIM178a	Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 1								R		I		
PRIM279a	Cơ sở toán học của dạy học Toán ở tiểu học 2								M		I		
PRIM182a	Cơ sở khoa học của dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học					I			R		R		
PRIM458a	Dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học					R			I		R		
PRIM351a	Giáo dục Tin học và Công nghệ ở tiểu học					M			I		R		
PRIM338a	Giáo dục Toán học ở tiểu học 1					R			R		I		
PRIM380a	Giáo dục Toán học ở tiểu học 2					R			R		M		
PRIM481a	Thiết kế bài học phát triển năng lực môn Toán ở tiểu học					R			R		R		
PRIM481b	Dạy học môn toán ở tiểu học bằng tiếng Anh								R		R		R
PRIM458b	Dạy học phát triển năng lực các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học					R			R		R		
PRIM351b	Dạy học phát triển năng lực môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học			I					R	M			
PRIM351c	Giáo dục STEM ở tiểu học				I				I	R			
PRIM277b	Dạy viết sáng tạo ở tiểu học					I			I		R		
PRIM342b	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ ở tiểu học					R			R		R		

Mã học phần	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
PRIM343b	Thực hành hoạt động giáo dục mỹ thuật ở tiểu học					R	R				R		
PRIM230b	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trẻ em				R					R		I	
PRIM230c	Nghiên cứu trí tuệ học sinh tiểu học					I	R					I	
PRIM230d	Các phương pháp và hình thức dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học					R	I		I				
PRIM 320a	Giáo dục hòa nhập ở tiểu học				I		R					I	
PRIM481c	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học toán ở tiểu học					R			R		R		
PRIM458c	Vận dụng phương pháp bàn tay nặn bột vào dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học					R			R		R		
PRIM230f	Phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học				I	I	R						
PRIM277c	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học					R			I		R		
PRIM277d	Dạy học kiến thức tiếng Việt ở tiểu học					R			R		I		

Mức độ đóng góp của các học phần đối với việc đạt được PLO/PI (các mức I, R, M)

I (Introduced): Học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu.

R (Reinforced): Học phần có sự hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được PLO. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI của PLO hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo toàn bộ PLO đó.